TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Dịnh

2. Ông Hoàng Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn V; địa chỉ cư trú: ấp B N, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Võ Ngọc N; địa chỉ cư trú: ấp B N, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Ngọc N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân khoảng 03 tháng nay.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Trần Vĩnh T – sinh ngày 11/7/2005 và Trần Vĩnh P – sinh ngày 20/11/2012, các cháu hiện đang chung sống với chị N.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn; anh thống nhất để cho chị N tiếp tục nuôi dạy cháu T và cháu P, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu hàng tháng là 650.000 đồng; về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung là không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 25/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Ngọc N trình bày:

Chị thống nhất với trình bày của anh Trần Văn V về các vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung. Nhưng chị không thống nhất ly hôn với anh V; trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu T và cháu P, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu hàng tháng là 650.000 đồng; về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình trình bày ý kiến như sau:

Anh Trần Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị N có thay đổi ý kiến là thống nhất ly hôn với anh V, còn các vấn đề khác chị N vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày, không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh V đối với chị N; về hôn nhân giải quyết cho anh V và chị N được ly hôn; về con chung giao cho cháu T và cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dạy, anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu hàng tháng là 650.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi; về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết; về án phí anh V phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Văn V cho rằng trong quá trình chung sống với bị đơn chị Võ Ngọc N thì hai người có xảy mâu thuẫn, chung sống không có hạnh phúc nên anh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N được xác lập hợp pháp, thể hiện là

anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay là thực tế có xảy ra, điều này phù hợp với lời trình bày của hai bên và tại biên bản xác minh đối với chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn của anh chị. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên giải quyết cho anh chị ly hôn với nhau là phù hợp với thực tế. Vì vậy, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh V và chị N có 02 con chung là cháu Trần Vĩnh T – sinh ngày 11/7/2005 và cháu Trần Vĩnh P – sinh ngày 20/11/2012. Cháu T và cháu P hiện chưa thành niên, kể từ khi sống ly thân đến nay chị N trực tiếp nuôi các cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của các cháu đã ổn định, đối với cháu T (hiện đã trên 07 tuổi) có nguyên vọng được chung sống với chị N, nên giao cháu T và cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T và cháu P mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng, chị N yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu hàng tháng bằng ½ mức lương cơ bản hiện hành là 650.000 đồng, anh V cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N, mức cấp dưỡng nuôi con mà hai bên đã thống nhất là phù hợp, nên buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy cháu T và cháu P mỗi cháu hàng tháng là 650.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Kể từ khi bản án có hiệu lực, chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Anh V chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, chị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn V đối với chị Võ Ngọc N.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn V và chị Võ Ngọc N.

Về nuôi con chung: Giao cháu cháu Trần Vĩnh T – sinh ngày 11/7/2005 và cháu Trần Vĩnh P – sinh ngày 20/11/2012 cho chị Võ Ngọc N tiếp tục nuôi dạy. Anh Trần Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T và cháu P mà không ai được cản trở.

Anh Trần Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy cháu Trần Vĩnh T và cháu Trần Vĩnh P mỗi cháu hàng tháng với số tiền là 650.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 10/10/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh V chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Ngày 08/02/2017, anh V nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018346 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí, anh V phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Văn V và chị Võ Ngọc N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt